

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST
Ngày 12- 8- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phúc An Hoàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ma Khánh Ly
2. Ông Lý Văn Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 15/7/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HS ngày 30/7/2020 đối với bị cáo:

BÀN VĂN Đ, tên gọi khác: Không, sinh ngày 26/6/1984 tại huyện CD, tỉnh BK;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã BT, huyện CD, tỉnh BK; chỗ ở: Thôn K, xã KĐ, huyện CH, tỉnh TQ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Bàn Văn Đ1 (đã chết) và bà Triệu Thị T; anh, chị, em ruột: Có 05 anh chị em, bị cáo là thứ ba; vợ Chu Thị S và có 01 con, sinh năm 2003;

Tiền án: Không;

Tiền sự:

Ngày 24/12/2019 bị Công an xã BT, huyện CD, tỉnh BK xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 1.500.000 đồng, Quyết định số 07/QĐ-XPHC (Đã nộp phạt);

Ngày 26/3/2020 bị Công an huyện CH, tỉnh TQ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, phạt tiền 750.000 đồng, Quyết định số 25/QĐ-XPHC;

Bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại:

- Bà Chu Thị N, sinh ngày 16/12/1988; địa chỉ: Thôn N, xã KĐ, huyện CH, tỉnh TQ, *có mặt.*

- Ông Chu Văn B, sinh ngày 15/10/1966; địa chỉ: Thôn K, xã KĐ, huyện CH, tỉnh TQ, *vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Bàn Văn T, sinh ngày 10/12/1971; địa chỉ: Thôn K, xã KĐ, huyện CH, tỉnh TQ, *vắng mặt.*

- Ông Trương Xuân T1, sinh ngày 04/9/1987; địa chỉ: Thôn B, xã LB, huyện CD, tỉnh BK, *vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

- Ông Hoàng Quý V, sinh ngày 04/3/1964; địa chỉ: Thôn B, xã LB, huyện CD, tỉnh BK, *vắng mặt.*

- Ông Hoàng Hoài S (tên gọi khác: Hoàng Hoài V1), sinh ngày 08/3/1993; địa chỉ: Thôn B, xã LB, huyện CD, tỉnh BK, *vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

- Ông Triệu Văn D, sinh ngày 08/01/1992; địa chỉ: Thôn N, xã LB, huyện CD, tỉnh BK, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bàn Văn Đ đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản (tại Quyết định số 07/QĐ-XPHC ngày 24/12/2019 của Công an xã BT, huyện CD, tỉnh BK). Trong các ngày 02/4 và 15/4/2020 Đ tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Khoảng 19 giờ, ngày 02/4/2020, Đ một mình đi chơi ở thôn K, xã KĐ, huyện CH, tỉnh TQ thì thấy vợ chồng ông Chu Văn B, trú tại thôn K, xã KĐ đi từ trang trại chăn nuôi về nhà, biết trang trại ông B có nhiều gà, nên Đ nảy sinh ý định lấy trộm. Trên đường đi trộm Đ nhặt được ở đường 01 (một) bao dứa màu vàng. Khi đến nơi, thấy không có ai Đ đi đến khu vực chuồng gà trộm cắp được 04 con gà, gồm có: 01 con gà mái, màu lông đen, có chấm trắng trọng lượng khoảng 1,0kg và 03 con gà trống giò, màu lông đen, có chấm trắng, trọng lượng mỗi con khoảng 0,7 đến 0,8 kg cho vào bao rồi Đ đem số gà trộm cắp được bán quạ cho ông Bàn Văn T, trú tại thôn K, xã KĐ được 400.000 đồng

(ông T không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp mà có) nên đã mổ, ăn thịt hết, số tiền bán gà Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 08 giờ ngày 15/4/2020, Đ một mình đi bộ đến nhà Chu Thị N (em vợ Đ), trú tại thôn N, xã KĐ, huyện CH, tỉnh TQ mục đích để trộm cắp tài sản, quan sát thấy không có người ở nhà, cửa chính (loại cửa cuốn) đóng hờ, không khóa nên Đ kéo cửa cuốn tạo khoảng trống và chui vào nhà lấy trộm được 01 chiếc máy cưa xăng, nhãn hiệu Boonghay ATK-687, màu S vàng cam, có cả lam và xích để ở trong buồng để đồ rồi đem đi cất giấu ở bụi cây ven đường, cách nhà chị N khoảng 300m. Sau đó quay lại lấy trộm tiếp 01 xe mô tô nhãn hiệu MIKADO, biển số 88S5-6750 của gia đình ông Lương Xuân N1 (bố vợ của Đ), dựng ở trước hiên nhà (ông N1 đã giao xe cho chị N quản lý). Sau khi lấy trộm do xe không có chìa khóa điện, nên Đ đã rút giắc điện để đạp nổ, sau đó điều khiển xe đi đến cầu BV (thuộc thôn BV, xã LB, huyện CĐ, tỉnh BK) thì gặp Triệu Văn D, trú tại thôn N, xã LB, huyện CĐ, tỉnh BK và Hoàng Hoài S (tên gọi khác là V1), trú tại thôn BV, xã LB, huyện CĐ, tỉnh BK. Tại đây, Đ nói với D *"không có tiền lấy xe này đi cấm hộ với"*, D hỏi *"xe này là xe nào"*, thì Đ nói *"xe này là xe của bố vợ không thấy đi nên mang đi cấm"*. Sau đó, D điều khiển xe chở S đến nhà ông Hoàng Quý V sinh năm 1964, trú tại thôn B, xã LB, huyện CĐ, khi gặp ông V, D hỏi ông V cầm có nhưng ông V không cầm có chiếc xe mô tô mà cho S và D vay 200.000 đồng, đồng thời bảo để lại chiếc xe mô tô để làm tin. D hẹn hai ngày sau mang tiền đến chuộc xe và nếu quá hai ngày không đến chuộc thì ông V cứ bán xe. Sau đó D và S mang tiền về đưa cho Đ 200.000 đồng, cả ba đã chi tiêu cá nhân hết. Sau 02 ngày ông V không thấy S và D quay lại lấy xe nên mấy ngày sau đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông thu mua sắt vụn không quen biết được 200.000 đồng. (D, S, V không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp mà có).

Đến khoảng 15 giờ ngày 16/4/2020, Đ quay lại chỗ cất giấu máy cưa xăng đã trộm cắp của chị N đem bán cho anh Trương Xuân T1, trú tại thôn B, xã LB, huyện CĐ, tỉnh BK được 300.000 đồng. Số tiền Đ đã chi tiêu cá nhân hết. (T1 không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp mà có).

Tại Kết luận định giá số 30/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, kết luận: 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu Boonghay ATK-687 tại thời điểm tháng 4/2020 có trị giá là 300.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 35/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chiêm Hóa, kết luận: 01 xe mô tô tại thời điểm tháng 4/2020 có trị giá là 200.000 đồng; 01 con gà mái có trọng lượng 01 kg và 03 con gà trống có tổng trọng lượng 2,4 kg tại thời điểm tháng 4/2020 có trị giá là 340.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bàn Văn Đ trộm cắp là 840.000đ (*Tám trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Cáo trạng số: 39/CT-VKSCH ngày 15/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Bàn Văn Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Đề nghị tuyên bố bị cáo Bàn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Bàn Văn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 22/4/2020.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng, thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 307, 585, 589 của Bộ luật dân sự, đề nghị buộc Bàn Văn Đ bồi thường cho ông Chu Văn B giá trị về tài sản số tiền 400.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bà Chu Thị N 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu Boonghay ATK-687 đã được thu giữ.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đối với án phí dân sự bị cáo phải chịu, do bị cáo thuộc hộ nghèo, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn đề nghị miễn án phí, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của người tham gia tố tụng trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Bị hại Chu Thị N xác định ngày 15/4/2020 đã mất tài sản là 01 máy cưa có trị giá là 300.000 đồng và 01 xe máy cũ có trị giá là 200.000 đồng do bị cáo Bàn Văn Đ (là anh rể) trộm cắp. Số tài sản trên chiếc xe máy không thu hồi được nhưng bà N không yêu cầu bị cáo bồi thường về tài sản và công truy tìm tài sản; đối với chiếc máy cưa đã được cơ quan điều tra thu giữ, bà N đề nghị được nhận lại tài sản. Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, bà N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai ông Chu Văn B xác định ngày 02/4/2020, ông bị mất trộm 04 con gà, gồm 01 con gà mái có trọng lượng khoảng 1,0kg và 03 con gà trống giò có trọng lượng mỗi con khoảng 0,7 đến 0,8 kg, số tài sản của ông bị mất do bị cáo Bàn Văn Đ trộm cắp, giá trị thực tế bị cáo Đ bán được là 400.000 đồng, ông yêu cầu bị cáo bồi thường về giá trị tài sản số tiền là 400.000 đồng.

Lời khai của ông Trương Xuân T1 xác định đã thỏa thuận mua máy cưa xăng với bị cáo Bàn Văn Đ với giá 500.000 đồng, đã thanh toán cho Đ 300.000 đồng, còn 200.000 đồng chưa thanh toán (ông T1 không biết đó là tài sản Đ trộm cắp mà có). Chiếc máy cưa đã bị cơ quan điều tra thu giữ, do Đ không có tài sản nên ông T1 không yêu cầu bị cáo Đ bồi thường số tiền 300.000 đồng.

Lời khai Hoàng Quý V xác định đã cho D, S vay 200.000 đồng và để lại xe máy làm tin. Sau hai ngày theo thỏa thuận không thấy D, S đến chuộc xe máy ông đã bán cho người đàn ông thu mua sắt vụn không quen biết được 200.000 đồng nên ông V không yêu cầu bị cáo Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan S, D phải bồi thường số tiền 200.000 đồng (ông V không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo, bị hại phù hợp với nhau, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 02/4/2020, Bàn Văn Đ đã có hành vi trộm cắp của gia đình ông Chu Văn B, tại thôn K, xã KĐ, huyện CH, tỉnh TQ 04 con gà trị giá là 340.000 đồng. Ngày 15/4/2020, Bàn Văn Đ đã có hành vi trộm cắp tài sản của bà Chu Thị N, tại thôn N, xã KĐ, huyện CH, tỉnh TQ là 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu Boonghay ATK-687 trị giá là 300.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu MIKADO, biển số 88S5-6750 trị giá là 200.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Bàn Văn Đ trộm cắp là 840.000đ (*Tám trăm bốn mươi nghìn đồng*). Mặc dù giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng, nhưng ngày 24/12/2019 bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, do đó đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, do đó phải

chịu trách nhiệm đối với hành vi phạm tội của mình. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 24/12/2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (là yếu tố định tội trong vụ án); ngày 26/3/2020 bị Công an huyện CH, tỉnh TQ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là "*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*", "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*", "*Là dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo*", theo các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; nội dung buộc tội, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và người tham gia tố tụng khác thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Đối với các đối tượng: Ông Bàn Văn T, ông Trương Xuân T1, ông Hoàng Quý V, ông Hoàng Hoài S (tên gọi khác: V1), ông Triệu Văn D khi trao đổi mua bán các tài sản không biết do phạm tội mà có, do đó không có căn cứ xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bà Chu Thị N quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại bà Chu Thị N xác định chiếc xe máy cũ giá trị không lớn, giá trị theo định giá là 200.000 đồng; đối với chiếc máy cưa xăng đã thu hồi được; bị cáo không có tài sản, do vậy bà N không yêu cầu bị cáo bồi thường về tài sản và công truy tìm tài sản. Đối với ông Trương Xuân T1 xác định ngày 16/4/2020 đã mua chiếc máy cưa xăng với bị cáo Đ theo giá thỏa thuận là 500.000 đồng, ông T1 đã thanh toán cho Đ được số tiền 300.000 đồng, còn 200.000 đồng chưa thanh toán. Chiếc máy cưa đã được cơ quan điều tra thu giữ, đối với số tiền 300.000 đồng đã thanh toán cho bị cáo Đ, ông T1 xác định do Đ không có tài sản, không có chỗ ở ổn định, không yêu cầu bị cáo bồi thường về số tiền 300.000 đồng nêu trên. Xét thấy bà Chu Thị N bị thiệt hại về tài sản; ông Trương Xuân T1 khi mua bán tài sản với bị cáo Đ có thanh toán tiền cho bị cáo là thực tế, về nguyên tắc nếu yêu cầu cần buộc bị cáo bồi thường, xong do số tiền, giá trị tài sản không lớn, bà N, ông T1 không có yêu cầu (từ chối) việc bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận không xem xét buộc bị cáo bồi thường cho bà N, ông T1.

Đối với Hoàng Quý V sau khi bị cáo Đ trộm cắp được tài sản xe máy gập D và S; S và D mang xe máy đến cầm cố xe máy để lấy số tiền 200.000 đồng để đưa cho bị cáo Đ (V không biết là tài sản do phạm tội mà có), do các đối tượng

không đến lấy xe, sau đó ông V đã bán chiếc xe máy cũ được 200.000 đồng, ông V không bị thiệt hại về tiền, nên không xem xét việc bồi thường thiệt hại.

Đối với ông Chu Văn B, trong giai đoạn điều tra ông Chu Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản bị mất là 800.000 đồng; tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/8/2020 ông B yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị tài sản 04 con gà với số tiền là 400.000 đồng. Tài sản (04 con gà) của ông B, Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xác định có giá trị là 340.000 đồng, khi bị cáo Đ trộm cắp, thực tế đã bán cho ông T được số tiền 400.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo Đ xác định giá trị tài sản của ông B là 400.000 đồng và chấp nhận bồi thường về số tiền theo yêu cầu của bị hại B; do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất về mức bồi thường thiệt hại, buộc bị cáo Đ thực hiện bồi thường cho ông B số tiền 400.000 đồng.

[6] Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã tạm giữ 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu Boonghay ATK-687, màu vàng cam, xác định là tài sản của bị hại N, do đó cần trả lại cho chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

[7] Về truy thu tiền do phạm tội mà có: Bị cáo Đ trộm cắp gà của ông B bán được số tiền 400.00 đồng; trộm cắp máy cưa xăng, xe máy của bà N sau khi cầm cố, bán được số tiền 500.000 đồng (thực tế đã nhận 300.000 đồng), số tiền trên bị cáo đã sử dụng hết. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, không có chỗ ở ổn định, hộ nghèo, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, đồng thời đã buộc bị cáo phải thực hiện về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản, do đó không cần thiết truy thu tiền do phạm tội mà có.

[8] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo không có tài sản, hộ nghèo, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Do bị cáo thuộc hộ nghèo, là dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đề nghị miễn tiền án phí, Hội đồng xét xử quyết định miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 135, 136, 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Bàn Văn Đ 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 22/4/2020.

Bàn Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho ông Chu Văn B số tiền là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trả lại cho bà Chu Thị N 01 máy cưa xăng, nhãn hiệu Boonghay ATK-687, màu vàng cam. Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 23/7/2020 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa.

Bàn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; do bị cáo thuộc hộ nghèo, là dân tộc thiểu số, sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đề nghị miễn án phí, Hội đồng xét xử quyết định miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 12/8/2020.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở Tư pháp;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phúc An Hoàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Khánh Ly

Lý Văn Tòng

Phúc An Hoàn